

# MẤY Ý KIẾN VỀ ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC Ở CAO ĐẲNG SỬ PHẠM

• GS. TS. TRẦN BÁ HOÀNH

## I. Về phương pháp thuyết trình

1. **Thuyết trình** là trình bày rõ ràng bằng lời trước nhiều người một vấn đề gì đó.

1.1 Căn cứ vào “mặt bên ngoài” của phương pháp thuyết trình (PPTT), người ta phân biệt các phương pháp (PP): giảng thuật, giảng giải, giảng diễn.

\* **Giảng thuật** (trần thuật) là PPTT có chứa đựng yếu tố kể lại, mô tả. Phương pháp giảng thuật được sử dụng rộng rãi trong các môn học xã hội - nhân văn và cũng được dùng trong các môn KHTN khi cần kể lại cho sinh viên (SV) về cuộc đời của một bác học, về lịch sử một phát minh... trong vài ba chục phút.

\* **Giảng giải** là PPTT dùng luận cứ, số liệu, bằng chứng để chứng minh một định lí, định luật, công thức... Giảng giải chứa đựng các yếu tố suy luận, phán đoán, chứng minh, bác bỏ, tìm nguyên nhân các sự kiện, hiện tượng.

\* **Giảng diễn** (diễn giảng) là PPTT được dùng để trình bày một vấn đề hoàn chỉnh, phức tạp, trừu tượng, khái quát, trong 1 - 3 tiết, ví dụ một trào lưu văn học, phong trào cách mạng, học thuyết khoa học.

1.2. Căn cứ vào “mặt bên trong” của PPTT người ta phân biệt PPTT kiểu thông báo - tái hiện, PPTT kiểu đặt - giải quyết vấn đề.

**Thuyết trình (TT) kiểu thông báo - tái hiện** có đặc điểm nổi bật là tính chất thông báo của lời thầy trình bày và tính chất tái hiện trong và sau khi lĩnh hội của trò. Giảng viên (GV) nghiên cứu kĩ nội dung tài liệu rồi dùng lời trình bày lại nội dung đó. SV tiếp thu nội dung GV đã thông báo bằng cách tái hiện những kiến thức liên quan đã có, cố gắng ghi chép đầy đủ, dùng trí nhớ để nắm nội dung đó và nhắc lại khi cần.

- TT kiểu đặt và giải quyết vấn đề (Đ - GQVĐ), TT nêu vấn đề - orixtic. Trong kiểu TT

này, GV không cần thông báo tri thức khoa học dưới dạng có sẵn, mà phục hồi - ở mức độ nhất định - con đường mà các nhà khoa học đã phải trải qua để phát hiện ra các tri thức đó. Sau khi đề xuất vấn đề, GV lần lượt trình bày cách giải quyết vấn đề, phân tích mâu thuẫn trong những cách giải quyết đó để đi tới những cách giải quyết khác hợp lí hơn. GV cũng có thể biểu diễn các thí nghiệm, tổ chức thảo luận để chứng minh mâu thuẫn của các cách giải quyết này và xác nhận sự đúng đắn của các cách giải quyết khác. Cứ như thế, GV dẫn dắt SV theo dõi quá trình phát hiện ra chân lí, khiến SV có thể có được cảm xúc tương tự người nghiên cứu khoa học.

Chú ý:

+ TT kiểu Đ - GQVĐ có nội hàm hẹp hơn kiểu dạy học Đ - GQVĐ.

Trong PPTT kiểu Đ - GQVĐ, GV thực hiện tất cả các bước:

- Đặt vấn đề, xây dựng bài toán nhận thức;
- Giải quyết vấn đề đặt ra;
- Kết luận.

Trong cấu trúc một bài ở trường phổ thông theo kiểu dạy học Đ - GQVĐ, tùy nội dung bài, trình độ HS, mà GV có thể tổ chức để SV tự thực hiện một, hai, hay cả ba bước trên.

+ Giảng diễn (diễn giảng) là một phương pháp dạy học thuộc nhóm PP thuyết trình. Bài diễn giải là một hình thức tổ chức dạy học. Trong các hình thức tổ chức dạy học ở đại học và cao đẳng còn có: tự học, giúp đỡ riêng, xêmina, giờ luyện tập, buổi học ở phòng thí nghiệm, thực hành thực tập, bài tập nghiên cứu, luận văn, khoá luận...

## 2. Đổi mới phương pháp thuyết trình

2.1. **Hạn chế TT thông báo - tái hiện, tăng cường TT Đ - GQVĐ**

Theo hình mẫu đặt vấn đề và giải quyết vấn



để mà GV trình bày, SV học được thói quen suy nghĩ logic, biết phát hiện vấn đề, đề xuất giả thuyết, thảo luận, làm thí nghiệm để kiểm tra giả thuyết đã nêu ra. Để vận dụng PPTT Đ - GQVĐ GV cần nắm vững nội dung phải trình bày, có những hiểu biết cần thiết về lịch sử phát triển khoa học về lĩnh vực mình giảng dạy, am hiểu những vấn đề thực tiễn. GV phải biết lựa chọn những nội dung thích hợp, phải chuẩn bị chu đáo, đồng thời phải có đủ thời lượng cần thiết thì việc thuyết trình Đ - GQVĐ mới thành công.

2.2 Thuyết trình phối hợp hợp lý với một số hoạt động cá nhân/ nhóm nhỏ nhằm kích thích tư duy tích cực của SV, tăng cường mối quan hệ ngược giữa người nghe và người thuyết trình, góp phần hướng dẫn SV cách học.

Có thể dùng những biện pháp như:

\*Đầu giờ: Yêu cầu một vài sinh viên phát biểu họ mong đợi điều gì ở bài giảng hôm nay. Nếu SV có thói quen đọc lướt bài học trước khi nghe giảng thì điều này càng có ý nghĩa.

\*Trong giờ:

- Thỉnh thoảng GV đặt một câu hỏi "có vấn đề", để SV trả lời trước lớp, hoặc cho trao đổi ngắn trong cặp hai người ngồi cạnh nhau trước khi GV đưa ra câu trả lời.

- Khuyến khích SV nêu câu hỏi: Yêu cầu trong 1 phút mỗi người đặt 1 câu hỏi xung quanh vấn đề GV vừa trình bày. Khi SV đã quen, GV chỉ cần hỏi "Các anh chị có muốn hỏi gì không"?

- Dừng lại vài ba phút, yêu cầu SV trả lời viết trong nửa trang về 1 câu hỏi được nêu ra, hoặc để SV nói lên nhận định của họ về ý chính trong đoạn vừa nghe GV thuyết trình. Chẳng hạn: "Anh chị nghĩ gì về khả năng ứng dụng định luật này trong thực tế"? Hãy nêu một ví dụ! Dấu hiệu bản chất nhất trong khái niệm vừa mới học là gì?...

\* Cuối giờ: Cho SV phát biểu trước lớp hoặc viết ra giấy điều thu nhận quan trọng nhất của họ, hoặc yêu cầu SV tóm tắt nội dung chủ yếu của bài thuyết trình cho bạn ngồi cạnh nghe và trao đổi ý kiến. Lúc đầu SV còn bỡ ngỡ thì có thể nói trước từ đầu giờ rằng đến cuối giờ họ phải tóm tắt những điểm chính của bài giải trong 5

phút hoặc sẽ mời một vài SV trình bày tóm tắt trước lớp.

\* Trong tài liệu hỗ trợ GV CĐSP sẽ không cần nói lại vấn đề lí luận, mà cần những ví dụ cụ thể về cách ứng dụng những PP, biện pháp gợi ý trên đây vào các bài diễn giảng.

Chú ý: Không nên lạm dụng các biện pháp trên, làm ảnh hưởng tới tính nhất quán chặt chẽ, hiệu suất thông tin cao của bài thuyết trình.

### 3. ĐỔI MỚI BÀI DIỄN GIẢNG

3.1. Giảm bớt giờ diễn giảng trên lớp đồng để tăng thời gian cho SV tự học và tổ chức xêmina. Cần căn cứ vào điều kiện giáo trình, tài liệu tham khảo, trình độ GV và SV ở từng môn học/ học phần mà có quyết định phù hợp. GV nên biên soạn tài liệu hướng dẫn học tập giáo trình mình phụ trách trong đó quy định cụ thể lịch trình giảng dạy/ mục tiêu từng bài giảng, hướng dẫn tự học từng chương, nội dung và thời điểm tổ chức các buổi xêmina để SV chủ động chuẩn bị.

3.2. Sử dụng các phương tiện công nghệ thông tin làm tăng sức hấp dẫn và hiệu quả của bài diễn giảng.

Từ những năm 1990 các nước tiên tiến trên thế giới đã phát triển công nghệ thông tin (CNTT) trong giáo dục và đào tạo, nhanh chóng xây dựng mô hình học tập điện tử (Electronic learning). Ở các trường đại học đã xuất hiện những khoá đào tạo trực tuyến trên mạng, đào tạo bằng Email. Ngày nay học tập điện tử cũng phát triển ở các nước Châu Á như Nhật Bản, Brunây, Inđônêxia, Singapo... Ở nước ta năm 2000, Bộ Chính trị đã ra chỉ thị 58 CT/TU về đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong công tác GD&ĐT ở các cấp học, bậc học, ngành học.

Việc ứng dụng CNTT tác động mạnh mẽ đến PPDH ở những mặt chủ yếu sau:

- Tăng cường tính trực quan sinh động, nâng cao hiệu quả của phương pháp dạy học mô phỏng. Các mô hình, bảng biểu, hình vẽ, tranh ảnh, các hoạt động ngoài lớp... có thể được trình bày trên màn hình tivi. Các thí nghiệm lí, hoá, sinh được mô tả trực quan bằng thí nghiệm ảo.

- Tiết kiệm thời gian đọc - chép bài, tăng cường thời gian làm việc trực tiếp giữa người dạy

và người học, dành thời gian để thảo luận, trao đổi chiếm lĩnh tri thức mới.

- GV làm chủ được giáo án. -Tiết kiệm thời gian đọc - chép bài, tăng cường thời gian làm việc trực tiếp giữa người dạy và người học

Với giáo án điện tử, soạn trên máy tính kết hợp các phương tiện nghe, nhìn GV sẽ chủ động triển khai trình tự logic của giáo án đã chuẩn bị mà không sợ bỏ sót chi tiết nào.

- Việc cập nhật, sửa đổi, bổ sung bài giảng của GV sẽ rất dễ dàng, thuận tiện.

- Đảm bảo tính chính xác, khách quan trong kiểm tra đánh giá.

\* Để phát huy các mặt mạnh nói trên, trong tài liệu trợ giúp GV CĐSP có thể bước đầu quan tâm những việc sau:

- Giới thiệu một số giáo án điện tử thuộc một vài giáo trình cụ thể.

- Giới thiệu kinh nghiệm sử dụng một số phần mềm hỗ trợ giáo dục như minh hoạ thí nghiệm lí, hoá, sinh..

- Giới thiệu kinh nghiệm khai thác tư liệu dạy học trên mạng Internet..

## II. Về phương pháp học tập hợp tác

1. Học tập hợp tác (HTHT - Cooperative) - đặc biệt HTHT trong nhóm nhỏ - đang được quan tâm trong trường phổ thông, thậm chí có người xem đó là dấu hiệu tiêu biểu nhất của đổi mới phương pháp dạy học hiện nay. Đã xuất hiện xu hướng lạm dụng, với quan niệm hoạt động nhóm càng nhiều chứng tỏ phương pháp dạy học càng đổi mới; cũng có xu hướng hình thức, tổ chức hoạt động nhóm gọi là để cho có chứ không mấy hiệu quả, tư duy tích cực của học sinh không mấy được phát huy, năng lực hợp tác giữa các thành viên trong nhóm không được phát triển.

Ở trường cao đẳng và đại học cũng có thể và cần phải áp dụng phương pháp HTHT, bởi vì trong HTHT mọi người cùng tham gia, chia sẻ kinh nghiệm, học hỏi lẫn nhau, chuẩn bị cho lao động phân công hợp tác trong cộng đồng, mà đây là một kĩ năng xã hội rất cần cho sự thành đạt trong cuộc sống đòi hỏi nhà trường phải chuẩn bị cho thanh niên trước khi bước vào đời. Dĩ nhiên, HTHT áp dụng vào cao đẳng và đại

học không giống ở các trường phổ thông, do yêu cầu học tập cao hơn, trình độ tư duy và kiến thức, kĩ năng của SV cao hơn.

Cũng giống như bất cứ cộng đồng xã hội nào, mỗi lớp SV, tuy đồng đều hơn, nhưng vẫn rất đa dạng về thành phần xã hội, trình độ kinh tế văn hoá tôn giáo của gia đình, tính cách, năng lực, vốn sống của từng em. Nếu hợp tác lại sẽ giải quyết được nhiệm vụ học tập có hiệu quả hơn là làm việc độc lập của từng cá nhân. Làm việc hợp tác trong nhóm sẽ phát triển tình bạn, sự hiểu biết tôn trọng nhau, xoá bỏ thành kiến tôn giáo, sắc tộc, giàu nghèo. Nếu trong dây chuyền sản xuất công nghệ đòi hỏi vừa sự phân công rõ ràng, vừa sự phối hợp nhịp nhàng giữa các công nhân thì phương pháp HTHT chính là để tập dượt cho SV điều đó. Nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường đòi hỏi vừa sự năng động trách nhiệm cao của mỗi cá nhân, vừa sự hợp tác có hiệu quả trong nhóm thì mới có thể phát triển kịp thời và giải quyết hợp lí những vấn đề nảy sinh, bảo đảm thắng lợi cạnh tranh lành mạnh trên thương trường. HTHT cũng góp phần chuẩn bị cho SV những kĩ năng xã hội đó.

Như trên đã nói, HTHT không chỉ là một phương pháp để học kiến thức, mà còn tác động tích cực đến nhiều mặt khác của nhân cách, nên trong đào tạo nó được vận dụng không chỉ trong hoạt động dạy học, mà cả trong những hoạt động khác của quá trình đào tạo.

2. Ở trường cao đẳng và đại học, việc HTHT có thể tổ chức ở cấp nhóm, lớp, hoặc trường

2.1. Nhóm (đội, êkíp) là một tập thể nhỏ, được thành lập để thực hiện một nhiệm vụ nhất định, trong một thời gian nhất định.

Tổ chức hoạt động nhóm (HĐN) có thể theo sơ đồ chung sau: Hình thành nhóm, xây dựng kế hoạch hoạt động, phân công nhiệm vụ hoạt động của từng cá nhân, tổng hợp kết quả hoạt động của nhóm.

Thường thì HĐN có hiệu quả khi nó tập hợp được những thành viên thực sự có hứng thú, có năng lực làm việc chung của nhóm. Trong dạy học GV có thể tổ chức HĐN theo những nhóm hình thành nhất thời để giải quyết một nhiệm vụ

cụ thể, làm xong trong mấy phút. Trong hoạt động ngoại khoá, tập dượt nghiên cứu có thể hình thành những nhóm hoạt động trong thời gian dài hơn, tương ứng với nhiệm vụ.

Có các hình thức HĐN sau:

- Nhóm hợp tác theo nhiệm vụ: các thành viên trong nhóm hợp lực giải quyết một nhiệm vụ, cùng hoàn thành một sản phẩm.

Ví dụ: Thảo luận làm rõ kết luận về một vấn đề, giải xong một bài tập, làm xong một báo cáo khảo sát thực tế.

- Nhóm thi đua hoàn thành nhiệm vụ: các nhóm cùng được giao một nhiệm vụ giống nhau, tổ chức thi đua xem nhóm nào hoàn thành sớm nhất, chất lượng tốt nhất.

Ví dụ thi đua tìm lời giải một bài toán khó, lắp ráp một mô hình kĩ thuật. Các thành viên làm phần việc giống nhau, góp ý cho nhau để toàn nhóm nhanh chóng làm xong nhiệm vụ. Cũng có thể mỗi nhóm viên được giao một phần việc khác nhau, phù hợp với khả năng của mình, nhóm trưởng chỉ huy sự phối hợp chung để cả nhóm sớm hoàn thành công việc.

Có thể phối hợp nhóm hợp tác với các nhóm thi đua bằng một nhóm lớn phân thành một số phân nhóm. Mỗi phân nhóm gồm những thành viên có cùng trình độ và năng lực, hợp tác để hoàn thành công việc được giao. Các phân nhóm thi đua với nhau để hoàn thành nhiệm vụ chung.

Điểm của nhóm lớn sẽ là điểm trung bình cộng của các phân nhóm. Ví dụ khi dạy một chương khó, GV có thể giao trước nhiệm vụ phải hoàn thành để đạt mục tiêu của chương. SV tổ chức HĐN nhóm và phân nhóm thi đua hoàn thành mục tiêu của chương.

Trong hoạt động tập dượt nghiên cứu khoa học hoặc hoạt động ngoại khoá các hình thức HĐN nêu trên tỏ ra có hiệu quả hơn là giao nhiệm vụ độc lập cho từng SV.

Ví dụ khảo sát thực tế ô nhiễm môi trường ở địa phương, SV có thể thành lập các nhóm, mỗi nhóm khảo sát một mặt như tình hình ô nhiễm đất, nước, không khí.

2.2. Ở cấp độ lớp hay trường người ta dùng

hình thức hợp tác xã (HTX). HTX học đường là tổ chức tự nguyện tự quản của SV với sự hướng dẫn của một số GV chăm lo cho lợi ích của tập thể. Ban quản trị HTX do đại biểu SV bầu ra, tham gia điều khiển chăm sóc sức khoẻ, giữ gìn vệ sinh an ninh trật tự trong kí túc xá, tham gia bảo quản, sửa chữa cơ sở vật chất, trang trí trường lớp, tổ chức vui chơi giải trí, sinh hoạt câu lạc bộ...

Người ta cũng thử nghiệm hình thức kí kết hợp đồng giữa cá nhân SV và tập thể lớp, trường trong một số công việc phù hợp.

Tuy còn cần nghiên cứu làm cho phương pháp học tập thích nghi hơn nữa đối với đời sống nhà trường, nhưng nhiều nhà giáo dục cho rằng phương pháp này góp phần hình thành bầu không khí dân chủ trong nhà trường, hướng SV vào chuẩn bị cho cuộc sống, chứ không phải chỉ lo chuẩn bị kiểm tra thi.

Trong đào tạo, cũng có ý kiến phản đối phương pháp học tập hợp tác vì cho rằng sự làm việc hợp tác sẽ làm cho SV khó nắm chắc nội dung học tập hơn vì nhấn mạnh trách nhiệm của mỗi SV đối với thành quả chung của cả nhóm hơn là của cá nhân mình. Thực ra thì trong HTHT phải trên cơ sở trách nhiệm của cá nhân được nâng cao mà bảo đảm kết quả chung của cả nhóm. Ở Hoa Kì, phương pháp HTHT đạt kết quả cao về kiến thức không kém phương pháp thuyết trình giảng giải, mà lại được thêm một số kĩ năng xã hội quan trọng như đã nói trên. Càng lên bậc cao hơn phương pháp HTHT càng thuận lợi.

### III. Về phương pháp dạy học theo dự án

1. Từ những năm đầu thế kỉ XX, giáo dục Hoa Kì đã chú ý đến phương pháp dạy học theo dự án (DHDA - project method). Ở Châu Âu thì muộn hơn vào những năm 1960.

Dự án là bản soạn thảo một chương trình, kế hoạch hành động chuẩn bị đưa ra thảo luận, xét duyệt. Đề án cũng có nghĩa tương tự, thường được hiểu là "những ý kiến có hệ thống về những công việc nào đó cần làm". Trong thực tế người ta thường dùng lẫn lộn dự án (DA) với đề án. Khái niệm DA đã đi từ lĩnh vực kinh tế - xã hội vào lĩnh vực giáo dục - đào tạo, được xem như là

một PPDH hoặc một hình thức dạy học, ban đầu được sử dụng trong các môn thực hành kĩ thuật, về sau được dùng trong hầu hết các môn học, cả KHTN và KHXX, không những ở đại học mà cả ở phổ thông. Trong lĩnh vực đại học ở nước ta, từ lâu đã dùng để án tốt nghiệp, rất gần với DHDA.

Dạy học theo dự án được hiểu là "một PPDH trong đó người học thực hiện một nhiệm vụ phức hợp có sử dụng phối hợp kiến thức kĩ năng thuộc một số lĩnh vực khoa học khác nhau, có kết hợp lí thuyết với thực tiễn, thực hành. Nhiệm vụ này được người học thực hiện với tính tự lực cao kết hợp với sự hợp tác trong nhóm, từ khâu xác định mục đích, lập kế hoạch đến khâu thực hiện, kiểm tra điều chỉnh, đánh giá quá trình và kết quả dự án".

2. Để phân biệt với các DA trong lĩnh vực kinh tế - văn hoá - xã hội, trong giáo dục người ta dùng thuật ngữ Dự án hợp tác SV (Cooperative Student Project).

Sự hợp tác của các SV có gì khác sự hợp tác trong hoạt động nhóm thông thường đã nói ở mục II?

- Các thành viên tham gia DA phụ thuộc vào nhau nhiều hơn trong việc hoàn thành mục tiêu DA.

- Các thành viên trong DA có thể được phân công nhiệm vụ khác nhau, căn cứ vào kĩ năng cá nhân, vào năng lực đóng góp vào nhiệm vụ chung của nhóm.

- Nhiệm vụ học tập phức tạp hơn, không chỉ giới hạn trong lớp học, mà ra cả ngoài lớp, ngoài trường, đòi hỏi phát triển các kĩ năng xã hội, kĩ năng hợp tác mới hoàn thành được nhiệm vụ.

- Giảng viên đóng vai trò người "cùng học", giúp SV tìm kiếm tư liệu, nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ của DA.

3. Trong đào tạo đại học, người ta thường ước lượng thời gian tối thiểu cần thiết để hoàn thành nhiệm vụ học tập từ giản đơn đến phức tạp như sau:

0 - 2 giờ : bài tập

2 - 12 giờ : bài tập lớn

12 - 60 giờ : luận văn

Trên 60 giờ: luận văn

Dự án thích hợp với các hoạt động dài ngày như nghiên cứu tình hình dân số của một cộng đồng địa phương, tình hình môi trường địa bàn trường đóng. Có những dự án được giao nhiệm vụ nghiên cứu một tình huống của đời sống thực tế như: vấn đề nước sinh hoạt trong cộng đồng, tìm hiểu bệnh sốt rét trong 5 năm gần đây ở địa phương..

Các DA hợp tác của SV có số một đặc điểm như sau:

- Chủ đề của dự án xuất phát từ một tình huống thực tế của đời sống xã hội, của thực tiễn nghề nghiệp.

- Nội dung DA đòi hỏi sự tích hợp kiến thức, kĩ năng của một số lĩnh vực/ môn học khác nhau.

- Quá trình thực hiện DA đòi hỏi sự kết hợp giữa các thành viên tham gia DA, giữa SV với SV, giữa SV với GV hướng dẫn, với các lực lượng xã hội có thể huy động vào DA.

Điều quan trọng nhất là mỗi thành viên trong dự án phải phát huy cao độ tính tích cực, tự lực, sáng tạo, góp sức vào việc thực hiện mục tiêu của DA.

- Sản phẩm của DA: trong đa số trường hợp phải có những sản phẩm vật chất của hoạt động thực tiễn thực hành, có thể ứng dụng vào thực tế.

**4. Hoạt động DA được triển khai theo các bước:**

- Chọn đề tài, xác định mục tiêu của DA.

- Xây dựng đề cương, lập kế hoạch DA

- Triển khai thực hiện DA.

- Thu thập kết quả DA, và công bố sản phẩm.

- Đánh giá DA, rút kinh nghiệm cho các DA tiếp theo.

## SUMMARY

*The author presents some issues related to the renewal of teaching methodology in teacher-training colleges, specifically: 3 such teaching methods as 1/ lecturing; 2/ cooperative learning and 3/ project-based teaching.*